BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 8227 /BC-BNN-VP	*Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2019*

BÁO CÁO

Kết quả công tác tháng 10 và nhiệm vụ công tác tháng 11 năm 2019

Trong tháng, tình hình thời tiết diễn biến phức tạp (triều cường tại Nam Bộ, mưa lớn diện rộng tại Trung Bộ), dịch tả lợn Châu Phi vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp. Trước tình hình đó, Bộ đã tập trung chỉ đạo các đơn vị, địa phương theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết để điều hành sản xuất phù hợp; triển khai đồng loạt các giải pháp để kiểm soát, khống chế dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi để hạn chế tối đa thiệt hại, khắc phục hậu quả do thiên tai. Đồng thời đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại trong nước, nước ngoài và mở cửa thị trường (nhất là thị trường Trung Quốc). Nhờ vậy, tình hình sản xuất kinh doanh tháng 10 và 10 tháng của một số lĩnh vực vẫn đạt kết quả tốt, như: Sản lượng lúa thu hoạch đạt khoảng 38 triệu tấn, tăng 0,5% so với cùng kỳ; chăn nuôi bò, gia cầm tăng khá (đàn bò tăng 2,4%, gia cầm tăng 11,5%); sản lượng khai thác gỗ ước đạt 12,95 triệu m^3, tăng 4,6%; thủy sản vẫn duy trì được mức độ tăng trưởng khá với tổng sản lượng tăng 5,3%; kim ngạch xuất khẩu đạt 33,18 tỷ USD, tăng 1,6%; đã có 53,33% số xã và 109 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Kết quả cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ.

Trong tháng 10/2019, Bộ đã tập trung chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau: Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chỉ đạo các địa phương rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch sản xuất, tăng cường quản lý giống và điều chỉnh kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để thúc đẩy các lĩnh vực, ngành hàng, sản phẩm nông sản có ưu thế, giá trị gia tăng cao và bảo đảm nguồn cung cho tiêu dùng dịp cuối năm và Tết Nguyên đán. Tập trung chỉ đạo các biện pháp quyết liệt phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi như: sâu keo mùa thu hại ngô, bệnh khảm lá virus hại sắn, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá; bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, Cúm gia cầm, LMLM, Tai xanh...Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, khí tượng thủy văn, dòng chảy ở các dòng sông lớn và nguồn nước ở các hồ chứa; đôn đốc và hướng dẫn các địa phương nhất là các tỉnh ĐBSCL để có biện pháp ứng phó kịp thời với tình hình hạn hán, xâm nhập mặn. Tăng cường kiểm tra, xử lý bảo đảm an toàn đê sông, đê biển, các công trình thủy lợi (đã tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 07/10/2019 về việc tăng cường xử lý vi phạm pháp luật về đê điều). Tiếp tục triển khai các biện pháp mở cửa thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu nông sản sang thị trường các nước; kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc về xuất khẩu nông sản chính ngạch tại một số cửa khẩu biên giới; hoàn thành việc xuất khẩu lô sản phẩm sữa đầu tiên theo Nghị định thư đã ký với Tổng cục Hải quan Trung Quốc. Tiếp tục phối hợp với Bộ Quốc phòng và các Bộ, Ngành, địa phương liên quan thực hiện

đồng bộ, hiệu quả các giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế theo khuyến nghị của Ủy ban Châu Âu (EC) để giải quyết dứt điểm việc gỡ thẻ vàng của EC đối với hoạt động đánh bắt hải sản bất hợp pháp. Tích cực chuẩn bị đón Đoàn EC kiểm tra việc khắc phục thẻ vàng tại Việt Nam vào tháng 11/2019. Tiếp tục tăng cường các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng, chống chặt phá rừng; triển khai thực hiện các hoạt động trong khuôn khổ Hiệp định và hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT. Hoàn thành việc tổ chức Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020 và các chuỗi sự kiện có liên quan; xây dựng Kế hoạch khung chỉ đạo điểm triển khai Chương trình OCOP.

Trong tháng, Bộ trưởng và các đồng chí Thứ trưởng đã chủ trì trên 70 Hội nghị, cuộc họp, làm việc với các đơn vị, địa phương, tiếp khách trong nước và quốc tế. Trong đó, đã chủ trì và tham dự một số Hội nghị quan trọng như: Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới; Hội nghị đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng KHCN phát triển nuôi biển công nghiệp tại Việt Nam; Hội nghị triển khai "Kế hoạch và giải pháp sản xuất vụ Đông Xuân 2019 - 2020 tại các tỉnh, thành phố Đông Nam bộ và ĐBSCL"; Hội nghị "Sơ kết sản xuất vụ Hè Thu, vụ Mùa 2019 và triển khai kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2019-2020 các tỉnh phía Bắc"; Hội nghị tăng cường các biện pháp kiểm soát dịch bệnh và phát triển chăn nuôi an toàn sinh học bền vững; Hội nghị toàn quốc Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết TW 5 khóa IX về Kinh tế tập thể; Hội nghị Tổng kết Chương trình giống gốc vật nuôi năm 2018 và hướng dẫn quản lý chương trình giống gốc năm 2019…

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÁNG 10 NĂM 2019.

1. Kết quả sản xuất, kinh doanh.

a) Trồng trọt

Trong tháng, sản xuất trồng trọt tập trung vào thu hoạch lúa mùa, lúa thu đông trên cả nước và gieo trồng, chăm sóc cây màu vụ đông tại các địa phương phía Bắc.

**** Lúa:*** Tính đến 15/10, cả nước đã gieo cấy được ***7.474,5 nghìn ha lúa***, giảm 1,5% so với cùng kỳ; thu hoạch được ***6.353 nghìn ha,*** giảm 0,5%. Năng suất bình quân ước đạt 59,8 tạ/ha, giảm khoảng 0,6 tạ/ha; sản lượng thu hoạch ước đạt ***38 triệu tấn***, tăng 201,9 nghìn tấn.

Vụ Đông xuân: Đã thu hoạch xong 3.123,4 nghìn ha (tăng 21,2 nghìn ha so với vụ Đông xuân năm 2018), năng suất bình quân đạt 65,5 tạ/ha, giảm 0,8 tạ/ha, sản lượng ước đạt 20,47 triệu tấn, giảm 0,6% so với vụ Đông xuân năm trước.

Vụ hè thu: Đã thu hoạch được 2.012 nghìn ha (100% diện tích gieo cấy); năng suất ước đạt 54,8 tạ/ha, tăng 0,2 tạ/ha; sản lượng ước đạt 11,01 triệu tấn, giảm 164,1 nghìn tấn.

Vụ mùa: Đã gieo cấy được 1.622,8 nghìn ha lúa mùa, giảm 3,7% so với cùng kỳ năm 2018; thu hoạch được 947,5 nghìn ha (phía Bắc thu hoạch 877,5 nghìn ha, phía Nam thu hoạch 70 nghìn ha), năng suất đạt khoảng 52,8 tạ/ha, tăng 3,8 tạ/ha, sản lượng ước đạt 5,0 triệu tấn.

Vụ thu đông: Các tỉnh vùng ĐBSCL xuống gieo cấy được 715 nghìn ha, giảm 4,7% so với cùng kỳ; thu hoạch được 270,1 nghìn ha, giảm 5,1% so với Vụ trước, năng suất ước đạt 53,6 tạ/ha, sản lượng trên diện tích thu hoạch đạt 1,45 triệu tấn.

**** Rau, màu vụ đông:*** Diện tích gieo trồng ngô đạt 79,7 nghìn ha, tăng 6,9%; khoai lang đạt 13,5 nghìn ha, giảm 0,5%; đậu tương đạt 14,7 nghìn ha, giảm 6,2%; lạc đạt 60,3 nghìn ha, giảm 7,5%; rau đậu đạt 101,6 nghìn ha, tăng 0,9% cùng kỳ.

b) Chăn nuôi

Chăn nuôi trâu, bò trong tháng 10 khá ổn định; đàn gia cầm cả nước tăng nhanh do thị trường tiêu thụ ổn định, không có dịch bệnh lớn xảy ra. Dịch tả lợn châu Phi tại nhiều địa phương tiếp tục được kiểm soát, số lượng lợn tiêu hủy giảm so với các tháng trước, nhiều địa phương chủ động chỉ đạo triển khai biện pháp kiểm soát dịch bệnh, kiểm soát chặt chẽ việc tái đàn nhằm hạn chế bùng phát và lây lan dịch bệnh trên đàn lợn. Đến nay, đàn gia cầm tăng 11,5% so với cùng kỳ; đàn lợn giảm 20,0%; đàn trâu ước giảm khoảng 3,1%; đàn bò tăng khoảng 2,4%; so với cùng thời điểm năm 2018. Sản lượng thịt các loại đạt 4,1 triệu tấn (bao gồm: hơn 3 triệu tấn thịt lợn, giảm khoảng hơn 8,5%; trên 930 nghìn tấn thịt gia cầm, tăng 13,5%; trên 82 nghìn tấn thịt trâu bò, tăng 4,2%; trên 21 nghìn tấn thịt dê, cừu); hơn 12 tỷ quả trứng gia cầm (tăng 10%).

Trong tháng, đã xuất hiện 01 ổ dịch CGC A/H5N1 tại tỉnh An Giang và 01 ổ dịch CGC A/H5N6 tại tỉnh Kon Tum; không có ổ dịch LMLM và tai xanh; dịch tả lợn Châu Phi đã xảy ra tại 8.296 xã thuộc 660 huyện của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với tổng số lợn tiêu hủy khoảng 5,7 triệu con với trọng lượng 327,13 nghìn tấn.

c) Lâm nghiệp

Trong tháng 10, sản xuất lâm nghiệp chủ yếu tập trung vào khai thác gỗ và trồng rừng vụ mùa. Tính chung 10 tháng, diện tích rừng trồng tập trung đạt gần 177,6 nghìn ha, giảm 3,0% so với cùng kỳ năm trước; 526,7 nghìn ha rừng được chăm sóc, tăng 15,1%; trồng cây phân tán đạt 47,8 triệu cây, tăng 4,1%; một số tỉnh có kế hoạch trồng rừng giảm, như: Bắc Kạn, Lào Cai, Điện Biên, Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Nam, Bình Thuận, Gia Lai[1]; sản lượng gỗ khai thác trên 12,95 triệu m^3, tăng 4,6%, sản lượng củi khai thác đạt 15,6 triệu Ste, giảm 1.4% so với cùng kỳ năm ngoái.

Công tác phòng cháy và chữa cháy rừng tiếp tục được tăng cường, trong tháng, xảy ra 02 vụ cháy rừng tại Hòa Bình và Sóc Sơn làm thiệt hại 03 ha rừng; 82 vụ phá rừng làm thiệt hại 31 ha rừng. Tính chung 10 tháng, diện tích rừng bị thiệt hại là 2.459 ha, gấp 2,76 lần so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị cháy khoảng 1.951 ha.

[1] Bắc Kạn (giảm 1.222 ha); Lào Cai (giảm 1.123 ha); Điện Biên (giảm 1.040 ha); Quảng Ninh (1.601 ha); Hà Tĩnh (giảm 1.200 ha rừng phòng hộ); Quảng Bình (giảm 1.735 ha); Quảng Nam (giảm 1.863 ha); Bình Thuận (giảm 1.059 ha); Gia Lai (giảm 1.740 ha).

Tính đến 20/10, cả nước đã thu được 2.006,2 tỷ đồng tiền dịch vụ môi trường rừng, đạt 62,69% kế hoạch thu năm 2019, tăng 1,0% so với cùng kỳ năm 2018; đã cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững cho 22.924 ha rừng trên địa bàn 9 tỉnh, đưa tổng diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt 249.163 ha trên địa bàn 22 tỉnh.

d) Thủy sản

Tháng 10, thời tiết thuận lợi cho tôm nuôi phát triển, tôm thẻ chân trắng đang chiếm ưu thế do điều kiện nuôi tốt, sản lượng đạt cao, giá cả ổn định; nhiều diện tích nuôi cá tra đạt kích cỡ thu hoạch nên sản lượng thu hoạch tiếp tục tăng. Sản xuất thủy sản trong tháng duy trì tốc độ tăng khá. Sản lượng tháng 10 ước tính đạt 733 nghìn tấn, tăng 5,2% so với T10/2018; trong đó sản lượng nuôi trồng ước đạt 428 nghìn tấn, tăng 6,7%.

Lũy kế 10 tháng, tổng sản lượng thủy sản ước tính đạt ***gần 6,7 triệu*** tấn, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước; trong đó sản lượng khai thác đạt 3,16 triệu tấn, tăng 4,4%; nuôi trồng đạt 3,54 triệu tấn, tăng 6,2% (trong đó: sản lượng tôm sú ước đạt 251,16 nghìn tấn, tăng 1,6%; tôm thẻ đạt 434,8 nghìn tấn, tăng 8,5%; cá tra ước đạt 1,19 triệu tấn, tăng 8,6%).

đ) Sản xuất muối

10 tháng, diện tích sản xuất muối ước đạt ***13.380 ha*** (muối thủ công là 9.324 ha, muối công nghiệp là 4.056 ha); sản lượng ước đạt ***892,18 nghìn tấn***, giảm 2,34% so với cùng kỳ. Lượng muối tồn trong dân và một số doanh nghiệp khoảng 348,05 nghìn tấn. Giá muối giữ ổn định so với tháng trước, Miền Bắc từ 1.200 - 1.800 đ/kg; miền Trung: Muối thủ công từ 600 – 1.400 đ/kg, muối công nghiệp từ 1.200 - 1.500 đ/kg; Nam Bộ từ 900 - 1.500 đ/kg.

2. Xuất nhập khẩu nông lâm thủy sản

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa 10 tháng ước tính đạt 59,1 tỷ USD với kim ngạch xuất khẩu đạt 33,18 tỷ USD, tăng 1,6% so với 10T/2018; nhập khẩu ước khoảng 25,9 tỷ USD, giảm 0,5%; xuất siêu 7,3 tỷ USD (cao hơn 664 triệu USD so với cùng kỳ năm trước).

- *Về xuất khẩu*:

Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thuỷ sản tháng 10 đạt 3,6 tỷ USD, tăng 16,9% so với kim ngạch xuất khẩu tháng 9; trong đó, giá trị XK nhóm nông sản chính đạt 1,4 tỷ USD, lâm sản chính đạt gần 1,05 tỷ USD, thủy sản đạt 834 triệu USD và chăn nuôi đạt 55 triệu USD,

Lũy kế 10 tháng, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản ước đạt ***33,18 tỷ USD***, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm 2018 với 06 nhóm/sản phẩm có giá trị XK trên 02 tỷ USD[2]. Nhóm nông sản chính ước đạt 15,25 tỷ USD, giảm 7,4%, chiếm 46,0% tổng kim ngạch xuất khẩu; lâm sản chính đạt 9,04 tỷ USD, tăng 18,8% và chiếm 27,2% tỷ trọng XK; thủy sản ước đạt 7,06 tỷ USD, giảm 2,4%, tỷ trọng chiếm 21,3%.

[2] Cà phê (2,3 tỷ USD), gạo (gần 2,4 tỷ USD), hạt điều (2,6 tỷ USD), quả (2,3 tỷ USD), tôm (2,7 tỷ USD), gỗ và sản phẩm gỗ (8,5 tỷ USD).

Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng chính 10 tháng tăng so với cùng kỳ năm trước: cao su đạt 1,75 tỷ USD, tăng 5,6%; chè đạt 187 triệu USD, tăng 14,3%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 8,5 tỷ USD, tăng 17,8%; quế đạt 145 triệu USD, tăng 31,9%; mây tre, cói đạt 378 triệu USD, tăng 40,6%; các sản chăn nuôi đạt 568 triệu USD, tăng 3,9%,

Một số mặt hàng nông sản có kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ năm trước: quả đạt 2,3 tỷ USD, giảm 1,3%[3]; hạt điều, hạt tiêu và gạo mặc dù lượng xuất khẩu tăng so với cùng kỳ năm 2018 nhưng do giá xuất khẩu bình quân giảm mạnh nên giá trị xuất khẩu giảm (hạt điều đạt 2,7 tỷ USD, giảm 4,8% (lượng tăng 21,3%), gạo đạt 2,43 tỷ USD, giảm 9,1% (lượng tăng 6,1%), hạt tiêu đạt 631 triệu USD, giảm 7,2% (lượng tăng 21,2%)); riêng cà phê giảm cả về giá trị và lượng, giá trị xuất khẩu đạt 2,3 tỷ USD, giảm 22,3% (lượng giảm 14,6%).

Về thị trường xuất khẩu: XK sang Trung Quốc, giảm 4,2% so với cùng kỳ, nhưng XK sang Hoa Kỳ, tăng 13,1%. Dù vậy, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của nông sản Việt Nam, chiếm tỷ trọng 26,8% tổng kim ngạch xuất khẩu; tiếp đến là Hoa Kỳ chiếm 21,7%; EU chiếm 11,9%; ASEAN chiếm 10,3%.

Rau quả: Giá trị xuất khẩu 10 tháng đạt 3,1 tỷ USD, giảm 5,6% so với cùng kỳ. Trong đó, XK sang Trung Quốc gần 2,0 tỷ USD, chiếm với 67,7% thị phần, giá trị XK 10 tháng giảm 14,4%.

Xuất khẩu hàng rau quả giảm do giá trị xuất khẩu một số mặt hàng rau quả chính giảm như: nhãn (-50,6%), nấm (-46,3%), dừa (-35,7%), dưa hấu (-30,3%) và sầu riêng (-14,1%). Đồng thời, thị trường Trung Quốc chuyển sang nhập khẩu chính ngạch và siết chặt quy định về dư lượng hóa chất, an toàn thực phẩm, yêu cầu về vật liệu đệm, lót, bao bì,…

Gạo: Xuất khẩu 10 tháng ước đạt 5,5 triệu tấn và 2,4 tỷ USD, tăng 6,1% về khối lượng nhưng giảm 9,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018; nguyên nhân giá trị XK giảm do giá gạo xuất khẩu bình quân đạt 435,6 USD/tấn, giảm 13,4%.

- *Về nhập khẩu*: Tính chung 10 tháng, ước đạt ***25,9 tỷ USD***, giảm 0,5% so với cùng kỳ năm 2018; trong đó, nhập khẩu các mặt hàng phân bón, thuốc trừ sâu và các nông sản chính khoảng 21,6 tỷ USD, giảm 1,4% so với cùng kỳ. Thặng dư thương mại 7,3 tỷ USD, tăng 10% so với cùng kỳ.

3. Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai

Trong tháng, theo dõi sát tình hình thời tiết, hạn hán, xâm nhập mặn, ngập úng, ảnh hưởng đến sản xuất và dân sinh; làm việc với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) về công tác phòng, chống sạt lở bờ sông bờ biển và sản xuất vụ Đông Xuân năm 2019-2020; kiểm tra, đánh giá về tình hình sạt lở và công tác khắc phục hậu quả tại Cà Mau, Kiên Giang; chỉ đạo các tỉnh/TP từ Thanh Hóa đến Khánh Hòa chủ động ứng phó với mưa lớn diện rộng.

[3] Rau quả giảm chủ yếu do XK sang Trung Quốc giảm do nhiều mặt hàng nông sản trước XK theo tiểu ngạch, nay việc chuyển sang XK chính ngạch còn gặp nhiều khó khăn; TQ siết chặt quy định về dư lượng hóa chất, an toàn thực phẩm, yêu cầu về vật liệu đệm, lót, bao bì,…

Trong tháng, các tỉnh Nam Bộ chịu ảnh hưởng của triều cường, tại Trung Bộ đã xảy ra mưa lớn diện rộng gây ngập lụt nghiêm trọng,... làm 193 ha lúa, 1.675 ha rau màu bị thiệt hại, 23.592 con gia súc, gia cầm bị chết, cuốn trôi; 184,6km đê bao, bờ bao bị sạt lở, hư hỏng; thiệt hại ước tính 7 tỷ đồng. Lũy kế 10 tháng, thiệt hại do các loại hình thiên tai gây ra ước ***tính 4.600 tỷ đồng.***

4. Đầu tư xây dựng cơ bản

Tổng kế hoạch vốn năm 2019 được giao là 14.606 tỷ đồng; trong đó vốn trong nước 1.246 tỷ đồng, vốn ODA 2.360 tỷ đồng, vốn TPCP 11.000 tỷ đồng. 10 tháng, khối lượng giải ngân ước đạt 7.944 tỷ đồng, bằng 54,4% kế hoạch năm, cụ thể:

- Vốn ngân sách trong nước: Giải ngân đạt 731 tỷ đồng, bằng 58,7% KH.

- Vốn nước ngoài: Giải ngân đạt 971,6 tỷ đồng, bằng 41,2% KH.

- Vốn trái phiếu Chính phủ: Giải ngân đạt 6.240,9 tỷ đồng, bằng 56,7% KH.

5. Phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện hiệu quả Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã; đẩy mạnh công tác truyền thông về hợp tác xã nông nghiệp; chương trình bố trí dân cư, đào tạo nghề nông thôn,…

Tiếp tục triển khai Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, Đề án 712 về thí điểm hoàn thiện và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP), Đề án hỗ trợ các thôn, bản, ấp thuộc các xã đặc biệt khó khăn, xây dựng Đề án "Phát triển Hệ thống trung tâm cung ứng hàng nông sản Việt Nam hiện đại giai đoạn 2018-2020, định hướng đến 2030";

Chủ trì, phối hợp với UBND tỉnh Nam Định, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan tổ chức thành công Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 và các chuỗi sự kiện có liên quan; Hội nghị toàn quốc tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW và 02 về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể,...

Cả nước có **4.747 xã (53,33%)** số xã đạt chuẩn nông thôn mới *(tăng 2,1% so với tháng 9/2019)*; bình quân cả nước đạt 15,32 tiêu chí/xã; cả nước không còn xã dưới 5 tiêu chí; có **109/664 đơn vị cấp huyện thuộc 39 tỉnh**, thành phố trực thuộc Trung ương *(tăng 18 đơn vị so với tháng 9/2019)* đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới *(chiếm khoảng 16,4% tổng số đơn vị cấp huyện của cả nước)*. 08 tỉnh, thành phố đã có 100% số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Hưng Yên, Đà Nẵng, Bình Dương, Đồng Nai, Cần Thơ); 58 tỉnh, thành phố ban hành Quyết định phê duyệt Đề án, Kế hoạch OCOP cấp tỉnh[4].

Đã có ***14.845*** hợp tác xã nông; 49 liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp; đào tạo được 235.000 lao động nông thôn học nghề nông nghiệp, đạt 79% kế hoạch đề ra năm 2019.

[4] 07 tỉnh chưa phê duyệt Đề án/Kế hoạch OCOP: Cao Bằng, Bình Phước, Tây Ninh, Kiên Giang, Cà Mau.

6. Quản lý chất lượng

Lũy kế 10 tháng, đã cấp 48.715 chứng thư/ 52.869 hồ sơ đăng ký đối với các lô hàng thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU qua hệ thống TRACE; xây dựng và phát triển mô hình chuỗi cung ứng NLTS an toàn với ***1.484 chuỗi*** (tăng **395** chuỗi so với cùng kỳ năm 2018), ***2.374 sản phẩm*** (tăng **948** sản phẩm) và ***3.267*** địa điểm bán sản phẩm đã kiểm soát theo chuỗi (tăng **99** địa điểm).

7. Các công tác khác

a) Kế hoạch, tài chính: Rà soát vốn kết dư của các dự án để điều chỉnh linh hoạt kế hoạch vốn năm 2019 giữa các dự án; rà soát, tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (lần 2); hoàn thiện dự thảo Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Đề án an ninh lương thực,... Quyết toán các đơn vị thuộc Bộ theo kế hoạch đã ban hành; tiếp tục thẩm tra quyết toán hoàn thành các dự án.

b) Khoa học công nghệ: ban hành Quyết định số 3978/QĐ-BNN-KHCN ngày 18/10/2019 về phân cấp quản lý đề tài khoa học và công nghệ tiềm năng của Bộ Nông nghiệp và PTNT; công bố 14 TCVN; đề nghị công bố 15 dự thảo TCVN; đề nghị thẩm định 30 dự thảo TCVN.

c) Tổ chức cán bộ: Tiếp tục sắp xếp các tổ chức cấp phòng không có tư cách pháp nhân ở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ; gửi Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ về danh mục vị trí việc làm của các cơ quan hành chính thuộc Bộ. Tổ chức tuyển dụng công chức năm 2019 có hình thức trắc nghiệm và sử dụng thi trên máy tính.

d) Hợp tác quốc tế: Tập trung chuẩn bị dự án với 4 nhóm đối tác ưu tiên (Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc và Anh); xây dựng danh mục các dự án đề xuất mới sử dụng nguồn vốn vay ưu đãi giai đoạn trung hạn 2021-2025; triển khai Đề án thí điểm cử đại diện nông nghiệp ở nước ngoài.

8. Dự kiến kết quả cả năm 2019

Để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng GDP cả năm đạt từ 2,2 - 2,3%; giá trị sản xuất NLTS tăng khoảng 2,3 - 2,4%; trong đó, trồng trọt tăng 1,78%; chăn nuôi giảm 1,6%; lâm nghiệp tăng 4,14%; thủy sản tăng 6,21%. Các lĩnh vực cụ thể phấn đấu ước đạt kết quả như sau:

- Trồng trọt:

+ Cây hàng năm: Phấn đấu sản lượng lúa đạt 43,6 triệu tấn, giảm khoảng 463 nghìn tấn so với năm 2018; sản lượng ngô 4,8 triệu tấn, giảm 1,65%; rau 17,3 triệu tấn, tăng 3,5%.

+ Cây ăn quả: Xoài đạt 795 nghìn tấn, tăng 2,0%; chuối đạt trên 2,1 triệu tấn, tăng 1,5%; thanh long đạt 1,3 triệu tấn, tăng 21,0%; cam đạt 938 nghìn tấn, tăng 10%; bưởi đạt 723,4 nghìn tấn, tăng 10%.

+ Cây công nghiệp: Sản lượng cà phê đạt trên 1,6 triệu tấn, tăng 2,5%; chè đạt trên 1 triệu tấn, tăng 2,5%; điều đạt 285 nghìn tấn, tăng 6,9%; dừa đạt 1,6 triệu tấn, tăng 2,0%,...

- Chăn nuôi: Sản lượng thịt lợn 3,3 triệu tấn, giảm 13,5%; sản lượng thịt gia cầm 1,3 triệu tấn, tăng 15%.

- ***Lâm nghiệp:*** Tỷ lệ che phủ rừng 41,85%; trồng rừng tập trung đạt 272 nghìn ha; sản lượng gỗ khai thác 16 triệu m3[5], tăng 4,8%

- ***Thủy sản:*** Tổng sản lượng 8,1 triệu tấn, tăng 5,42%; trong đó: nuôi trồng 4,4 triệu tấn, tăng 6,16%; khai thác 3,7 triệu tấn, tăng 4,57%

- ***Xuất nhập khẩu:*** Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 41 tỷ USD, thặng dự thương mại khoảng 9 - 9,5 tỷ USD, tăng 9,0% so với cùng kỳ.

III. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC THÁNG 11 NĂM 2019.

1. Dự báo tình hình thời gian tới

Thời gian tới, dự báo thương mại toàn cầu sẽ tiếp tục suy giảm; chiến tranh thương mại Mỹ-Trung, nguy cơ Brexit không thỏa thuận và sự giảm tốc của nền kinh tế Trung Quốc là những yếu tố rủi ro gây tác động tới nền kinh tế thế giới; sự gia tăng các rào cản thương mại (nhất là từ thị trường Trung Quốc) khiến xuất khẩu nông sản tiếp tục chịu áp lực cạnh tranh lớn; giá xuất khẩu một số nông sản chủ lực tiếp tục xu hướng giảm. Diễn biến thời tiết bất thường, dịch tả lợn châu Phi vẫn ảnh hưởng tới ngành chăn nuôi. Áp lực đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án xây dựng cơ bản.

Với kết quả sản xuất ngành nông nghiệp 10 tháng qua cho thấy, để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng (2,1%), toàn ngành cần tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để phòng chống thiên tai, khống chế dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi đảm bảo ổn định sản xuất NLTS; hướng dẫn người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp, đảm bảo cân đối cung cầu trong những tháng cuối năm; đẩy mạnh xuất khẩu; tăng cường công tác quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm; đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân các dự án.

2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tháng 11

Để khắc phục khó khăn, hạn chế suy giảm tăng trưởng; toàn ngành quyết tâm, tranh thủ tận dụng tối đa thời cơ, kiên trì, quyết tâm phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng năm ở mức cao nhất; chỉ đạo thực hiện đồng bộ, kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau: Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để ngăn chặn sự lây lan, phát tán, tiến tới khống chế dịch tả lợn Châu Phi. Đồng thời tái đàn ở những nơi đảm bảo an toàn sinh học, đáp ứng điều kiện theo hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn. Thực hiện các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng ở các ngành hàng còn dư địa tốt để tăng sản lượng, tập trung cây Vụ Đông trên cả nước; chăm sóc và thu hoạch lúa Thu đông, Mùa 2019 tại phía Nam; khai thác mủ cao su; cây ăn quả đặc biệt là cây có múi; gia cầm và trứng gia cầm; nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là tôm nước lợ và cá tra...Tập trung chỉ đạo tháo gỡ rào cản kỹ thuật, giải quyết có hiệu quả vấn đề kiểm dịch động, thực vật, đảm bảo an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm và truy xuất nguồn gốc, xuất sứ hàng hóa; tăng cường xúc tiến thương mại, đẩy mạnh phát triển thị trường xuất khẩu, nhất là thị trường Trung Quốc. Chuẩn bị tốt các điều kiện để đẩy mạnh xuất khẩu khi các Hiệp định CPTPP và EVFTA có hiệu lực. Triển khai thực hiện hiệu quả, đồng bộ Hiệp định VPA/PLEGT đã được phê duyệt, tạo điều kiện đẩy mạnh xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang EU. Triển

[5] chưa tính gỗ cao su do GSO đã tính sang sản phẩm phụ của ngành trồng trọt

khai đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả các khuyến nghị mà EC đưa ra để lấy lại "thẻ xanh" và hướng tới phát triển thủy sản biển bền vững. Triển khai các chương trình, kế hoạch về bảo vệ và phát triển rừng; trong đó tập trung trồng và chăm sóc rừng, công tác phòng, chữa cháy rừng.

Các nhiệm vụ cụ thể:

a) Trồng trọt

Tiếp tục theo dõi chỉ đạo sản xuất vụ đông 2019, vụ Đông xuân 2019-2020 ở các tỉnh phía Bắc; thu hoạch lúa Hè thu, Thu đông, vụ Mùa 2019, gieo cấy lúa Đông xuân 2019-2020 ở các tỉnh phía Nam;

Theo dõi tình hình sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả các tỉnh phía Nam, tình hình tái canh cà phê, điều, sâu bệnh hại trên hồ tiêu, điều và cây ăn trái các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, ĐBSCL; tình hình sản xuất mía tại các tỉnh phía Nam.

Ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng; nắm bắt tình hình chuyển đổi đất lúa sang trồng cây ăn trái tại các tỉnh miền Trung; triển khai chương trình thanh tra chất lượng vật tư nông nghiệp theo kế hoạch.

Chuẩn bị hội nghị Sơ kết sản xuất trồng trọt vụ Hè Thu 2019, sản xuất vụ Thu Đông, Mùa 2019 và triển khai kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2019-2020 các tỉnh các tỉnh DHNTB & TN; các Hội nghị về sản xuất trái cây Nam bộ; về tái canh cà phê, tổng kết 10 năm phát triển cao su; …

b) Chăn nuôi

Chỉ đạo triển khai mọi biện pháp để kiểm soát dịch bệnh, nhất là dịch tả lợn Châu phi, bệnh LMLM; chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học để tái đàn, mở rộng quy mô đàn lợn ở các vùng, các cơ sở chưa có dịch và có đủ điều kiện chăn nuôi an toàn sinh học.

Phối hợp với các cơ quan chức năng, theo dõi sát thị trường và tiêu thụ tránh tình trạng găm hàng làm tăng giá lợn thịt trên thị trường. Hướng dẫn các địa phương đẩy nhanh quy mô sản xuất và tăng trưởng chăn nuôi gia cầm và gia súc ăn cỏ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm soát chất lượng vật tư, an toàn thực phẩm trong chăn nuôi, nhất là kiểm soát sử dụng chất cấm, việc lạm dụng kháng sinh và hóa chất công nghiệp trong thức ăn chăn nuôi;

Tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi 2008-2019 và định hướng Chiến lược phát triển chăn nuôi 2020-2030, tầm nhìn 2040.

c) Thuỷ sản

Tiếp tục hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án phát triển nuôi biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Kiểm tra điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (đối với giống bố mẹ) tại tỉnh Ninh Thuận; kiểm tra cơ sở sản xuất, xuất khẩu tôm bố mẹ vào Việt Nam tại các nước sở tại (Singapore và ThaiLand); làm việc với các Sở Nông nghiệp và PTNT, Chi cục quản lý thủy sản về giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất cá tra.

Triển khai đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả các khuyến nghị mà Liên minh Châu Âu đưa ra đối với Việt Nam để lấy lại "thẻ xanh" và hướng tới phát triển thủy sản biển bền vững.

Chuẩn bị tổ chức Hội nghị tổng kết Nghị định 67; tiếp tục hướng dẫn các địa phương cấp Giấy phép khai thác cho tàu cá theo quy định của Luật Thủy sản; xây dựng Đề án đàm phán với Trung Quốc về gia hạn thời gian có hiệu lực của Hiệp định hợp tác nghề cá chung Vịnh Bắc Bộ.

Chỉ đạo các Chi cục Kiểm ngư Vùng tổ chức tuần tra, kiểm soát theo kế hoạch đã phê duyệt; kịp thời tham mưu xử lý những sự cố nghề cá trên biển và hỗ trợ tìm kiếm cứu nạn tàu cá và ngư dân; thu thập, tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình tàu cá và ngư dân bị nước ngoài bắt giữ, xử lý.

d) Lâm nghiệp

Chỉ đạo các địa phương tổ chức triển khai phương án PCCCR, chống chặt phá rừng mùa khô; Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, trồng rừng thay thế và thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; quản lý chặt chẽ chất lượng cây giống; Báo cáo kết quả 3 năm thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng;

Thực hiện Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT. Hướng dẫn ký hợp đồng với các cơ sở sản xuất Công nghiệp có sử dụng nước; hướng dẫn ký lại hợp đồng, phụ lục hợp đồng với các đơn vị sử dụng DVMTR.

Hoàn thiện hồ sơ chuyển giao Vườn quốc gia Yok Đôn về địa phương quản lý; tiếp tục triển khai Đề án chuỗi sự kiện Lâm nghiệp Việt Nam - 75 năm hình thành và phát triển; xây dựng "Đề án Bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Bắc".

Tổ chức Hội nghị chuyên đề về cơ chế chính sách cho hệ thống rừng đặc dụng; triển khai các nội dung xây dựng quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia; rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển Lâm nghiệp giai đoạn 2006-2020, xây dựng Chiến lược phát triển Lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030.

đ) Thủy lợi, phòng chống thiên tai

Thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, khí tượng thủy văn dòng chảy và nguồn nước hồ chứa; đôn đốc và hướng dẫn các địa phương thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn, xâm nhập mặn...; tăng cường kiểm tra và đảm bảo an toàn đê sông, đê biển, các công trình thuỷ lợi;

Hoàn thành, trình Thủ tướng Chính phủ đề án Phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển; tiếp tục hoàn thiện Chiến lược quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai; Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch thủy lợi ĐBSCL; triển khai Đề án Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; các hoạt động truyền thông về PCTT, ra mắt APP về PCTT.

Tổ chức diễn tập ứng phó với bão mạnh, lũ lớn khu vực miền Trung tại các tỉnh/TP Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi; Hội nghị 20 năm lũ

lớn miền Trung; tiếp tục triển khai các nhiệm vụ Nghị quyết 120/NQ-CP theo kế hoạch năm 2019; triển khai Nghị quyết số 76/NQ-CP về PCTT.

Xây dựng kế hoạch lấy nước phục vụ gieo cấy vụ Đông Xuân 2019-2020 khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ. Theo dõi, đôn đốc các địa phương đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) và gói hỗ trợ cấp bách 500 tỷ của Thủ tướng Chính phủ.

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của Bộ được giao tại Nghị quyết 120; phối hợp với WB, tổng hợp, phân tích nhu cầu các tỉnh, thúc đẩy các thủ tục vay vốn triển khai chương trình nước sạch dựa trên kết quả các tỉnh Duyên hải miền Trung.

e) Chế biến và phát triển thị trường

Thực hiện các nhiệm vụ của BCĐ thị trường, phối hợp với các Hiệp hội ngành hàng, các doanh nghiệp theo dõi sát diễn biến cung cầu thị trường lương thực, thực phẩm, tình hình xuất nhập khẩu; tăng cường kiểm soát chặt tình hình nhập lậu vào thị trường nội địa;

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành tích cực đàm phán mở cửa thị trường xuất khẩu, giữ ổn định các thị trường truyền thống, tìm kiếm và mở rộng các thị trường tiềm năng, hạn chế thấp nhất sự phụ thuộc vào một thị trường nhất định; đáp ứng các yêu cầu của nước nhập khẩu về truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm nông, lâm, thủy sản xuất khẩu.

Theo dõi tình hình tiêu thụ nông sản tại các cửa khẩu, khó khăn vướng mắc; đánh giá tác động chính sách của Trung Quốc về xuất khẩu chính ngạch, tạm nhập tái xuất tại cửa khẩu biên giới. Tiếp tục cập nhật tình hình Tổng cục Hải quan Trung Quốc về phê duyệt bộ hồ sơ đăng ký xuất khẩu chính ngạch yến sào Việt Nam. Tổ chức đoàn xúc tiến thương mại nông sản tại Trung Quốc, Ấn Độ; chuẩn bị tổ chức đoàn XTTM tại Hà Lan, Nga. Tổ chức Diễn đàn thúc đẩy phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cá tra Việt Nam tại Đồng Tháp; chuẩn bị Hội nghị kết nối xuất khẩu nông lâm thủy sản Việt Nam-Trung Quốc qua cửa khẩu Móng Cái (Quảng Ninh);

Hoàn thành Kế hoạch phát triển thị trường nông sản và Chương trình xúc tiến thương mại năm 2020; tiếp tục hoàn thiện khung Chiến lược phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn 2045; chuẩn bị tổ chức Hội nghị toàn quốc về chế biến nông lâm thủy sản và cơ giới hóa nông nghiệp.

g) Quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm

Tiếp tục xử lý các vấn đề thị trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu thủy sản: Trung Quốc, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Úc, Brazil. Làm việc với Đoàn Thanh tra của Tổng vụ Biển đánh giá việc khắc phục khuyến cáo trong thực hiện quy định liên quan đến khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU).

Tổ chức các đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản; chỉ đạo, đôn đốc các địa phương tập trung nguồn lực tổ chức vận động cơ sở sản xuất, sơ chế, kinh doanh nhỏ lẻ ký cam kết tuân thủ quy định ATTP theo Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT ngày

31/10/2018 của Bộ NN&PTNT; nhân rộng, mở rộng chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản an toàn gắn với truy xuất nguồn gốc thông qua bao gói, ghi nhãn, dán tem truy xuất điện tử.

Tiếp tục duy trì triển khai các chương trình giám sát vệ sinh ATTP trong thủy sản nuôi; vùng thu hoạch nhuyễn thể 2 mảnh vỏ; sản phẩm nông, thủy sản chế biến. Căn cứ kết quả giám sát, đề xuất biện pháp xử lý, tổ chức thanh tra đột xuất, xử lý vi phạm.

Tiếp tục chuyên mục "Nông nghiệp sạch" trên trang Báo điện tử VnExpress; xây dựng các tin, bài trên báo Đại biểu nhân dân, Nông thôn ngày nay và sản xuất các sản phẩm truyền thông tuyên truyền quảng bá sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đảm bảo vệ sinh ATTP theo tiêu chuẩn, qui chuẩn tương đồng với chuẩn mực quốc tế.

h) Phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

Triển khai xây dựng Đề án "Nâng cao năng lực HTX nông nghiệp ĐBSCL ứng phó biến đổi khí hậu"; tiếp tục chuẩn bị Lễ tuyên dương các điển hình tiên tiến có thành tích xuất sắc trong phát triển kinh tế tập thể, HTX. Kiểm tra hỗ trợ phát triển sản xuất, đào tạo nghề ở các địa phương; tiếp tục thực hiện Đề án chuyển đổi nghề và tạo việc làm cho lao động nông nghiệp, nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long; hoàn thiện dự thảo Báo cáo danh mục làng nghề cần bảo tồn lâu dài; xây dựng Đề án "Phát triển sản xuất, chế biến muối đến năm 2020 và năm 2030".

Tiếp tục triển khai Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, Đề án 712 về môi trường; tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn 05 tỉnh, thành phố khẩn trương hoàn thành thủ tục phê duyệt Đề án/KH OCOP của địa phương để sớm triển khai; phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm cấp Quốc gia;

Hướng dẫn địa phương triển khai Bộ Tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình OCOP theo Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019; chuẩn bị tổ chức Lễ công bố biểu trưng Chương trình OCOP và hướng dẫn các Bộ, ban ngành, địa phương thực hiện. Phối hợp với 04 tỉnh (Nam Định, Nghệ An, Lâm Đồng và Đồng Nai) triển khai thực hiện Đề án xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu.

i) Đầu tư xây dựng cơ bản

Tập trung, quyết liệt chỉ đạo tốt các giải pháp, chủ động rà soát lại kế hoạch tổng thể từng dự án để làm cơ sở đôn đốc thực hiện hoàn thành kế hoạch năm 2019, tạo tiền đề hoàn thành kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020;

Đôn đốc các chủ dự án, chủ đầu tư đẩy nhanh thực hiện, giải ngân đảm bảo kế hoạch theo tháng đã lập cho từng dự án; phấn đấu đạt mục tiêu kế hoạch giải ngân 86,6% các dự án vốn TPCP. Kiểm tra chất lượng thi công theo kế hoạch đã duyệt, đẩy nhanh thủ tục hoàn thành dự án và bàn giao cho đơn vị khai thác, vận hành.

Phối hợp chặt chẽ với các địa phương để triển khai đồng bộ, hiệu quả các dự án ODA tại các địa phương, các hợp phần đền bù giải phóng mặt bằng, đặc biệt các

dự án TPCP để hạn chế phát sinh, tăng chi phí đền bù. Tập trung đôn đốc, tháo gỡ về kỹ thuật, GPMB các dự án lớn, kỹ thuật phức tạp: Cánh Tạn, Ngòi Giành, Mỹ Lâm, Krông Pách Thượng, Tân Mỹ,... để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân; rà soát thiết kế các đập đất (Cánh Tạng, Đa Sị, xà Dề Phìn)

k) Các nhiệm vụ khác

- *Kế hoạch, tài chính:* Tiếp tục hoàn thiện kế hoạch đầu tư công năm 2020 và giai đoạn 2021 - 2025; bố trí vốn chuẩn bị đầu tư để thực hiện công tác chuẩn bị cho giai đoạn 2021-2025 theo Luật Đầu tư công (sửa đổi). Thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách năm 2018;

- *Tổ chức cán bộ:* Xây dựng dự thảo Quy định của Bộ về đánh giá, xếp loại các tổ chức, cán bộ lãnh đạo các đơn vị theo hướng đa chiều, có tiêu chí cụ thể, bằng sản phẩm; tổ chức các kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với các chức danh không thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

- *Hợp tác quốc tế:* Họp Ủy ban liên chính phủ Việt Nam – Iran; chuẩn bị nội dung đoàn đi Châu Phi, Châu Âu, Brazil,… Chuẩn bị đề xuất dự án vận động tài trợ từ các Quỹ: GCF, GEF, AF, CCAC đi kèm các dự án vốn vay đang đề xuất.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoạt động cải cách hành chính, thực hiện các nhiệm vụ về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, thực hiện nghiêm túc Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí./.

Nơi nhận:
- VP Chính phủ (TH, NN);
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các Sở NN&PTNT;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công đoàn ngành NN&PTNT;
- Đảng uỷ cơ quan Bộ;
- Công đoàn cơ quan Bộ;
- VP (TT, TH);
- Lưu: VT, VP (15).

Website: www.omard.gov.vn

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Ký bởi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Cơ quan: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Thời gian ký: 01/11/2019 10:36:47

Hà Công Tuấn